

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM TẠI THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Đình Trung¹, Nguyễn Quang Thi^{2,*}

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

*Email: nguyenquangthi@tuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá kết quả và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Sử dụng các phương pháp: Điều tra thu thập tài liệu, số liệu thứ cấp, sơ cấp; đánh giá theo thang đo 5 cấp của Likert; đánh giá chỉ tiêu sử dụng đất theo độ lệch giữa kế hoạch và kết quả thực hiện. Kết quả cho thấy, có 50 chỉ tiêu (chiếm tới 72,46%) đạt mức thực hiện rất tốt; 4 chỉ tiêu sử dụng đất (chiếm 5,80%) thực hiện rất kém. Tỷ lệ thực hiện các công trình, dự án đạt rất thấp (chỉ đạt 11,81%). Số lượng công trình chuyển tiếp sang năm sau chiếm 46,25% số công trình chưa thực hiện. Kết quả điều tra cán bộ, công chức, viên chức cho thấy, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất tại thành phố Bắc Ninh là tốt. Có 1/6 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt và 5/6 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt. Để nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Huy động và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khác nhau; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công bố, công khai kịp thời nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nâng cao chất lượng phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất; đánh giá khả năng thực hiện các công trình, dự án.

Từ khóa: Quản lý đất đai, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, thành phố Bắc Ninh.

1. BẮT VẤN ĐỀ

Kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ) là việc phân chia quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) theo thời gian để thực hiện trong kỳ QHSDĐ [1]. QHSDĐ là công cụ quan trọng để Nhà nước thống nhất quản lý, phân bổ và sử dụng đất (SDĐ), là cơ sở để thực hiện chuyển dịch cơ cấu SDĐ đồng bộ với chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu đầu tư và cơ cấu kinh tế - xã hội (KTXH), là cơ sở để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích SDĐ và cấp giấy chứng nhận quyền SDĐ [2]. QHSDĐ đã và đang đảm bảo quản lý, phân bổ nguồn tài nguyên hữu hạn cho phát triển KTXH nói chung, cho các ngành, lĩnh vực nói riêng và gìn giữ cho các thế hệ mai sau [3]. Theo Khoản 1, Điều 67, Luật Đất đai năm 2024 [1], QHSDĐ cấp huyện là một trong những căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ) cấp huyện. Thực tiễn cho thấy, QHSDĐ trong thời gian qua đã góp phần tăng nguồn thu từ đất, giúp tăng trưởng kinh tế, tăng GDP, đóng góp

quan trọng vào phát triển KTXH của đất nước [4].

Thành phố Bắc Ninh là một trong những đô thị trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội. Là đô thị loại I, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, đầu mối giao lưu quan trọng, có vai trò là động lực phát triển kinh tế của cả tỉnh Bắc Ninh; có lợi thế về vị trí, tiềm năng phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ du lịch trong khu vực. Thành phố Bắc Ninh có tổng diện tích tự nhiên là 8.264,05 ha [5]. Trong những năm qua, việc thực hiện KHSDĐ đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, nâng cao đời sống cho nhân dân trên địa bàn. Nghiên cứu này nhằm đánh giá kết quả thực hiện KHSDĐ hàng năm của thành phố Bắc Ninh giai đoạn 2021 - 2023 và đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện KHSDĐ trên địa bàn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu

Thu thập số liệu, tài liệu thứ cấp từ các Sở, ban, ngành của tỉnh Bắc Ninh và từ các phòng, ban của thành phố Bắc Ninh. Thu thập số liệu sơ cấp từ điều tra thực địa và điều tra 60 cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến thực hiện quy hoạch (QH), KHSDD (Phòng Tài nguyên và Môi trường 10 phiếu, Trung tâm Quản lý đất đai 12 phiếu, cán bộ quản lý và cán bộ địa chính cấp xã trên địa bàn 38 phiếu) với các chỉ tiêu đánh giá: Sự quan tâm của các cấp, các ngành; tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện; công khai QH, KHSDD; sự phù hợp của phương án QH, KHSDD với địa phương; xử lý vi phạm; quản lý QH, KHSDD.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu đã thu thập được tổng hợp phân nhóm, thống kê và xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS theo các chỉ tiêu SDD và theo năm. Kết quả thực hiện QH, KHSDD được đánh giá bằng phương pháp so sánh giữa kết quả đã thực hiện được với QH, KHSDD đã được phê duyệt với 2 loại so sánh: So sánh giá trị tuyệt đối (theo ha) và so sánh tương đối (tỉ lệ %). Về tỉ lệ %, chia thành các nhóm tính theo giá trị chênh lệch d ($d = \text{kết quả thực hiện} - \text{QH}$). Có 5 mức đánh giá là: $|d| < 10\%$ - mức rất tốt tương ứng 5 điểm; $|d| = 10 - 20\%$ - mức tốt tương ứng 4 điểm; $|d| = 20,01 - 30\%$ - mức trung bình tương ứng 3 điểm; $|d| = 30,01 - 40\%$ - mức kém tương ứng 2 điểm; $|d| > 40\%$ - mức rất kém tương ứng 1 điểm. Kết quả thực hiện các công trình, dự án theo QH, KHSDD đã được phê duyệt được đánh giá qua số lượng công trình, dự án theo KHSDD hàng năm. Thang đo 5 mức điểm của Likert được sử dụng để đánh giá với 5 mức độ từ rất cao/rất tốt (mức 5) đến rất thấp/rất kém (mức 1). Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng. Thang đánh giá chung là: Rất cao: $> = 4,20$ điểm; cao: 3,40 - 4,19 điểm; trung bình: 2,60 - 3,39 điểm; thấp: 1,80 - 2,59 điểm; rất thấp: $< 1,80$ điểm [6, 7].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm thành phố Bắc Ninh

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố Bắc Ninh là 8.264,05 ha, được phân bố ở 19 đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó, có 3.495,11 ha đất được sử

dụng vào mục đích nông nghiệp, chiếm 42,29%; 4.730,41 ha đất được sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, chiếm 57,24% tổng diện tích đất tự nhiên. Bên cạnh đó, vẫn còn 38,53 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,47% tổng diện tích đất tự nhiên [8]. Thành phố Bắc Ninh có địa hình tương đối bằng phẳng, bao gồm địa hình đồng bằng và địa hình chuyển tiếp giữa đồng bằng và trung du; có mối liên hệ khá chặt chẽ theo 4 hệ trục tuyến hướng tâm về thành phố, tác động trực tiếp đến quá trình phát triển mạng lưới đô thị của tỉnh, nhằm thúc đẩy phát triển KTXH của tỉnh Bắc Ninh.

Về kinh tế, tổng mức lưu chuyển hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước đạt 44.105 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 100,3% so với kế hoạch năm 2024 (chiếm khoảng gần 50% giá trị toàn tỉnh Bắc Ninh). Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (giá so sánh năm 2010) đạt 194.034 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2023. Thu nhập bình quân đầu người đạt 73,7 triệu đồng/người/năm, gấp 1,14 lần so với bình quân của tỉnh Bắc Ninh và tăng 11,8% so với năm 2023 [9].

Công tác quản lý nhà nước về đất đai cơ bản đã đi vào nền nếp và đạt được những hiệu quả nhất định. QH, KHSDD sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND thành phố Bắc Ninh đã tổ chức công bố công khai và thực hiện theo quy định làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền SDD và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện KHSDD hàng năm giai đoạn 2021 - 2023 thành phố Bắc Ninh

3.2.1. Đánh giá theo chỉ tiêu sử dụng đất

KHSDD năm 2021 của thành phố Bắc Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh [10]. Bảng 1 và 2 cho thấy, nhóm đất nông nghiệp thực hiện được 3.504,48 ha, đạt 168,86% so với kế hoạch (vượt 68,68% với 1.429,06 ha). Trong đó, 3 chỉ tiêu trong nhóm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ và đất nông nghiệp khác) thực hiện đạt mức rất tốt (đều vượt kế hoạch dưới 10%). Các tiêu chí còn lại trong đất nông nghiệp (đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất

nuôi trồng thủy sản) đạt ở mức rất kém (đều vượt kế hoạch trên 40%). Trong đó, đất trồng cây hàng năm khác vượt chỉ tiêu kế hoạch nhiều nhất với 174,79%, đất trồng lúa vượt 80,57%. Điều đó cho thấy, nhiều công trình, dự án trong KHSDĐ được quy hoạch trên các loại đất này không được thực hiện. Đất phi nông nghiệp thực hiện thấp hơn, đạt 76,76% so với kế hoạch. Hầu hết các chỉ tiêu SDĐ đều thực hiện thấp hơn so với KHSDĐ, ngoài ra còn một số loại đất thực hiện vượt so với kế hoạch (đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện đạt 117,71%; đất xây dựng

trụ sở của tổ chức sự nghiệp thực hiện đạt 113,57%). Một số chỉ tiêu SDĐ có tỉ lệ thực hiện thấp như đất thương mại, dịch vụ chỉ đạt 30,61%; đất ở đô thị đạt 62,36% so với kế hoạch. Nguyên nhân được xác định là do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 có diễn biến phức tạp, khó lường, phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội dài ngày, do đó hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại - dịch vụ bị gián đoạn, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các công trình, dự án; đất chưa sử dụng thực hiện đúng theo kế hoạch...

Bảng 1. Kết quả thực hiện KHSDĐ thành phố Bắc Ninh giai đoạn năm 2021 - 2023

ĐVT: ha

TT	Loại đất	Mã	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện	Kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện	Kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện
	Tổng diện tích tự nhiên		8.264,05	8.264,05	8.264,05	8.264,05	8.264,05	8.264,05
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.075,42	3.504,48	3.000,48	3.506,22	3.121,88	3.502,29
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.576,56	2.846,73	2.405,61	2.848,56	2.469,15	2.845,38
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	30,54	83,92	65,38	83,11	81,51	82,54
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	51,42	51,67	40,82	51,68	49,64	51,50
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	201,15	201,59	201,43	201,59	200,43	201,59
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	213,60	318,42	285,09	319,13	319,00	319,13
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.150,06	4.721,00	5.225,00	4.719,27	5.103,61	4.723,20
2.1	Đất quốc phòng	CQP	95,76	94,12	95,76	94,12	91,70	94,12
2.2	Đất an ninh	CAN	19,38	17,28	17,29	17,29	17,29	17,29
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	567,54	555,74	555,74	557,02	557,02	557,02
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	124,59	121,79	124,59	121,78	121,78	121,78
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	244,05	74,70	80,57	75,35	88,46	75,35
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	119,48	117,97	117,97	117,97	117,97	117,97
2.7	Đất sử dụng cho hoạt	SKS	-	-	-	-	-	-

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	động khoáng sản							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	20,44	20,44	20,44	20,43	20,43	20,43
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.306,20	2.714,67	2.055,09	1.888,72	2.055,09	1.892,65
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	91,63	88,03	88,03	88,02	88,02	88,02
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2.147,12	1.338,85	1.663,94	1.344,86	1.490,58	1.344,86
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	58,37	47,83	55,32	46,03	49,64	46,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,97	6,78	6,78	6,78	5,91	6,78
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	21,25	16,32	16,32	16,31	16,54	16,31
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	197,04	197,04	197,04	196,70	196,70	196,70
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	119,26	116,65	118,15	115,91	115,91	115,91
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	11,98	11,98	11,98	11,98	11,98	11,98
3	Đất chưa sử dụng	CSD	38,57	38,57	38,56	38,56	38,56	38,56

Nguồn: UBND tỉnh Bắc Ninh (2024, 2021a, 2021b, 2022, 2023) [8, 10 - 13].

Bảng 2. Độ chênh lệch tích giữa kết quả thực hiện và KHSDĐ giai đoạn năm 2021 - 2023

TT	Loại đất	Mã	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
			Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		0	100	0	100	0	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.429,06	168,86	505,74	116,86	380,41	112,19
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.270,17	180,57	442,95	118,41	376,23	115,24
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	53,38	274,79	17,73	127,12	1,03	101,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,25	100,49	10,86	126,60	1,86	103,75

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,44	100,22	0,16	100,08	1,16	100,58
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	104,82	149,07	34,04	111,94	0,13	100,04
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	100	0	100	0	100
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	- 1.429,06	76,76	-505,73	90,32	-380,41	92,55
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-1,64	98,29	-1,64	98,29	2,42	102,64
2.2	Đất an ninh	CAN	-2,10	89,16	0,00	100,00	0	100
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-11,80	97,92	1,28	100,23	0	100
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-2,80	97,75	-2,81	97,74	0	100
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-169,35	30,61	-5,22	93,52	-13,11	85,18
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-1,51	98,74	0	100	0	100
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,00	100,00	-0,01	99,95	0	100
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	408,47	117,71	-166,37	91,90	-162,44	92,10
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-3,60	96,07	-0,01	99,99	0	100
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	-808,27	62,36	-319,08	80,82	-145,72	90,22
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-10,54	81,94	-9,29	83,21	-3,61	92,73
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,81	113,57	0	100	0,87	114,72
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	-4,93	76,80	-0,01	99,94	-0,23	98,61
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0	100	-0,34	99,83	0	100
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-2,61	97,81	-2,24	98,10	0	100
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	100	0	100	0	100
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0	100	0	100	0	100

KHSDĐ năm 2022 của thành phố Bắc Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh [11] và được bổ sung tại Quyết định số 401/QĐ-UBND

ngày 14/9/2022 [12]. Theo đó, diện tích đất nông nghiệp được phê duyệt là 3.000,48 ha, diện tích thực hiện được là 3.506,22 ha, vượt so với kế hoạch đề ra là 16,86% với 505,74 ha. Tất cả các các chỉ

tiêu SDD nông nghiệp thực hiện vượt mức so với kế hoạch được duyệt, cả 6 chỉ tiêu đều vượt kế hoạch, cao nhất đến 27,12%. Trong đó, 2 chỉ tiêu (đất rừng phòng hộ, đất nông nghiệp khác) thực hiện ở mức rất tốt (đều vượt kế hoạch dưới 10%), 2 chỉ tiêu (đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản) thực hiện ở mức tốt (đều vượt kế hoạch trong khoảng từ 10 - 20%), 2 chỉ tiêu (đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm) thực hiện ở mức trung bình (đều vượt kế hoạch trong khoảng từ 20,01 - 30%). Diện tích đất phi nông nghiệp được duyệt là 5.225,00 ha, năm 2022 thực hiện được 4.719,27 ha, đạt 90,32% (tương ứng với diện tích chưa thực hiện 505,73 ha). Một số chỉ tiêu SDD thực hiện đúng so với KHSDD được duyệt như: Đất an ninh, đất khu công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, đất phi nông nghiệp khác. Các chỉ tiêu còn lại đều thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt. Đánh giá về mức độ thực hiện nhóm đất phi nông nghiệp, có 14/16 chỉ tiêu thực hiện ở mức rất tốt, còn lại 2 chỉ tiêu thực hiện ở mức tốt (đất ở tại đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan). Điều đó cho thấy, nhiều công trình dự án phi nông nghiệp trong KHSDD không được thực hiện. Nguyên nhân là do, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 có diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế của thành phố còn gặp nhiều khó khăn, thiếu nguồn vốn đầu tư hoặc nguồn vốn còn bị động gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các chỉ tiêu QH, kế hoạch đã đề ra. Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện.

KHSDD năm 2023 của thành phố Bắc Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh [13]. Theo đó, diện tích đất nông nghiệp được phê duyệt là 3.121,88 ha, kết quả thực hiện được là 3.502,29 ha, đạt 112,19% (vượt 12,19% tương ứng với 380,41 ha). 6 chỉ tiêu đất nông nghiệp đều vượt so với kế hoạch, cao nhất đến 15,24%, trong đó chỉ có đất trồng lúa thực hiện ở mức tốt, 5 chỉ tiêu còn lại đều thực hiện ở mức rất tốt (đều vượt kế hoạch dưới 10%). Diện tích đất phi nông nghiệp theo phương án được duyệt là 5.103,61 ha, kết quả thực hiện đạt 92,55%, tương ứng với 4.723,20 ha. Trong đó, 2 chỉ tiêu đất thực hiện vượt kế hoạch được duyệt (đất quốc phòng đạt 102,64%; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp đạt 114,72%). 10 chỉ tiêu đất thực hiện theo KHSDD đã được phê duyệt đạt 100% (đất an ninh; đất khu công nghiệp; đất cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; đất khu vui chơi, giải trí công cộng; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất có mặt nước chuyên dùng; đất phi nông nghiệp khác). 5 chỉ tiêu đất còn lại đều thực hiện không đạt so với kế hoạch đã được duyệt. Đánh giá về mức độ thực hiện, 14/16 chỉ tiêu thực hiện ở mức rất tốt, 2/16 tiêu chí thực hiện ở mức tốt (đất thương mại, dịch vụ và đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp). Kết quả thực hiện của năm 2023 đã tiến gần với kế hoạch đã được duyệt, kết quả này cao hơn so với năm 2021 và 2022. Nguyên nhân là do đại dịch COVID-19 đã được kiểm soát, tình hình kinh tế dần phục hồi nên các dự án được khởi động thực hiện cùng với sự vào cuộc chính quyền địa phương.

Bảng 3. Kết quả thực hiện KHSDD hàng năm theo mức độ chênh lệch về diện tích

DVT: Số chỉ tiêu SDD

Chỉ tiêu SDD	Tỉ lệ thực hiện/kế hoạch	lđl < 10%	lđl từ 10 - 20%	lđl từ 20,01 - 30%	lđl từ 31,01 - 40%	lđl > 40%	Tổng số chỉ tiêu SDD
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém	
<i>Năm 2021</i>		13	4	1	1	4	23
Nông nghiệp	68,86	3	0	0	0	3	6
Phi nông nghiệp	-23,24	9	4	1	1	1	16
Chưa sử dụng	0	1	0	0	0	0	1
<i>Năm 2022</i>		17	4	2	0	0	23
Nông nghiệp	16,86	2	2	2	0	0	6

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Phi nông nghiệp	-9,68	14	2	0	0	0	16
Chưa sử dụng	0	1	0	0	0	0	1
<i>Năm 2023</i>		20	3	0	0	0	23
Nông nghiệp	12,19	5	1	0	0	0	6
Phi nông nghiệp	-7,45	14	2	0	0	0	16
Chưa sử dụng	0	1	0	0	0	0	1
Tổng giai đoạn		50	11	3	1	4	69
Tỉ lệ so với tổng chỉ tiêu SĐĐ (%)		72,46	15,94	4,35	1,45	5,80	100
Nông nghiệp		10	3	2	0	3	18
Phi nông nghiệp		37	8	1	1	1	48
Chưa sử dụng		3	0	0	0	0	3

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, giai đoạn năm 2021 - 2023, trong số 69 chỉ tiêu SĐĐ được đánh giá thì có tới 50 chỉ tiêu (chiếm tới 72,46%) đạt mức thực hiện rất tốt (tỉ lệ chênh lệch về diện tích < 10% so với kế hoạch). Trong đó, có 10/18 chỉ tiêu đất nông nghiệp, 37/48 chỉ tiêu đất phi nông nghiệp và 3/3 chỉ tiêu đất chưa sử dụng. Điều này phản ánh các chỉ tiêu SĐĐ nông nghiệp đã bám sát nhu cầu sử dụng đất của địa phương. Có 4 chỉ tiêu SĐĐ (chiếm 5,80%) thực hiện rất kém (tỉ lệ chênh lệch diện tích > 40% kế hoạch). Trong đó, có 3/18 chỉ tiêu đất nông nghiệp, 1/48 chỉ tiêu đất phi nông nghiệp. Có 3 chỉ tiêu (chiếm 4,35%) thực hiện ở mức trung bình (tỉ lệ chênh lệch diện tích 20,01 -

30% kế hoạch) với 2 chỉ tiêu đất nông nghiệp và 1 chỉ tiêu đất phi nông nghiệp.

Năm 2021 là năm có kết quả thực hiện KHSDĐ kém nhất trong cả giai đoạn về chỉ tiêu SĐĐ, có đến 4/23 chỉ tiêu SĐĐ thực hiện ở mức rất kém, 1/23 chỉ tiêu ở mức kém và 1/23 chỉ tiêu thực hiện ở mức trung bình. Nguyên nhân chủ yếu là do nhiều công trình, dự án không được thực hiện theo kế hoạch, cập nhật lại số liệu kiểm kê đất đai và ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

3.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án

Bảng 4. Kết quả thực hiện các công trình, dự án theo kế hoạch SĐĐ giai đoạn năm 2021 - 2023

Tiêu chí đánh giá	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng
1. Tổng số công trình được duyệt	418	178	115	711
2. Số công trình đã thực hiện	17	09	58	84
3. Số công trình chưa thực hiện	401	169	57	627
Trong đó, số công trình chưa thực hiện, chuyển năm sau	153	80	57	290
4. Tỉ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	4,07	5,06	50,43	11,81

Nguồn: UBND tỉnh Bắc Ninh (2021a, 2021b, 2022, 2023) [10 - 13].

Bảng 4 cho thấy, giai đoạn năm 2021 - 2023, tổng số công trình được duyệt theo KHSDĐ hàng năm là 711 công trình, dự án, kết quả các công trình dự án được thực hiện là 84/711 công trình, dự án, chỉ đạt 11,81%. Năm 2023 có tỷ lệ thực hiện đạt cao nhất với 50,43% (58/115 công trình, dự án)

và thấp nhất là năm 2021 với 4,07% (17/418 công trình, dự án). Số lượng công trình chưa được thực hiện, chuyển tiếp sang năm sau còn khá cao, với 290 công trình (chiếm 46,25% số công trình chưa thực hiện). Năm 2021 có số lượng công trình, dự án chuyển tiếp qua năm sau cao nhất với 153 công

trình, dự án. Nguyên nhân kết quả thực hiện triển khai dự án trong năm 2021 và 2022 thấp là do đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp và khó lường ảnh hưởng đến tình hình phát triển KTXH, dự báo nhu cầu SDD; thời gian phê duyệt KHSDD còn chậm, thiếu vốn, công tác bồi thường chậm... Năm

2023 khi đại dịch COVID-19 được kiểm soát, kinh tế dần phục hồi nên tỷ lệ thực hiện các công trình dự án tăng lên rõ rệt.

3.2.3. Đánh giá của cán bộ, công chức, viên chức về tình hình thực hiện QH, KHSDD

Bảng 5. Đánh giá của công chức, viên chức về kết quả thực hiện QH, KHSDD

T T	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Đánh giá chung
		Rất cao/rất tốt (5 điểm)	Cao/tốt (4 điểm)	Trung bình (3 điểm)	Thấp/kém (2 điểm)	Rất thấp/rất kém (1 điểm)	
1	Sự quan tâm của các cấp, các ngành đối với QH, KHSDD	10	26	22	2	0	3,73
2	Tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện QH, KHSDD	9	21	27	3	0	3,60
3	Công khai QH, KHSDD	15	32	13	0	0	4,03
4	Sự phù hợp của phương án QH, KHSDD với địa phương	18	19	19	4	0	3,85
5	Xử lý vi phạm QH, KHSDD	32	15	10	2	0	4,23
6	Quản lý QH, KHSDD	16	23	18	3	0	3,87
Đánh giá chung							3,89

Ghi chú: Giá trị trung bình: Rất cao/rất tốt: $\geq 4,20$; cao/tốt: 3,40 – 4,19; trung bình: 2,60 - 3,39; thấp/kém: 1,80 - 2,59; rất thấp/rất kém: $< 1,80$.

Việc thực hiện QH, KHSDD ở thành phố Bắc Ninh được cán bộ đánh giá ở mức tốt với điểm trung bình là 3,89 điểm. Kết quả này tương ứng với mức đánh giá nhưng có số điểm đánh giá cao hơn kết quả nghiên cứu của Đỗ Thị Tám và cs (2022) [14] tại thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An với trung bình 3,54 điểm.

Có 1/6 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt (điểm trung bình $> 4,20$ điểm) là việc xử lý kịp thời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện sai phạm trong thực hiện QH, KHSDD. Điều đó phản ánh những nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc phát huy vai trò của các cấp Ủy đảng, chính quyền đối với công tác quản lý đất đai và thực hiện nghiêm các quy định về thực hiện QH, KHSDD.

Có 5/6 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt, đó là sự quan tâm của các cấp, các ngành đối với QH, KHSDD; việc tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện QH, KHSDD; việc công khai QH,

KHSDD; sự phù hợp của phương án QH, KHSDD với địa phương và việc quản lý QH, KHSDD. Tuy nhiên, mỗi tiêu chí lại có mức điểm đánh giá khác nhau. Trong đó, tiêu chí tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện QH, KHSDD có điểm đánh giá thấp nhất với 3,60 điểm.

3.3. Một số tồn tại và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện KHSDD ở thành phố Bắc Ninh

3.3.1. Một số tồn tại

Việc phê duyệt các phương án QH, KHSDD thường chậm hơn so với kế hoạch dẫn đến việc thực hiện QH, KHSDD gặp những khó khăn nhất định.

Nhiều dự án đầu tư mặc dù đã có quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền nhưng do thiếu vốn hoặc chính sách đền bù chưa thỏa đáng dẫn đến chậm giải phóng mặt bằng hoặc giải phóng mặt bằng trong thời gian kéo dài.

Tỷ lệ công trình có kết quả thực hiện thấp so với phương án QH, KHSDD. Điều này cho thấy,

chất lượng và tính khả thi của phương án QH, KHSDD thấp. Một số công trình rất cần thiết, có lộ trình thực hiện và phù hợp với mục tiêu phát triển của địa phương nhưng do ngân sách không bảo đảm nên triển khai chưa đúng kế hoạch, nhất là các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển và giao lưu KTXH.

- Nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện KHSDD:

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 có diễn biến phức tạp, khó lường, phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội dài ngày, do đó hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại - dịch vụ bị gián đoạn, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các công trình, dự án.

Các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị khi báo cáo nhu cầu sử dụng đất còn thiếu tính khả thi.

Một số chủ dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư, về nguồn vốn và yêu cầu về bố trí trước các khu tái định cư nên không đủ điều kiện để được giao đất.

Việc thay đổi các chính sách về đất đai đã ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ triển khai giải phóng mặt bằng đối với các dự án có quy mô lớn, thời gian thực hiện trải dài qua nhiều giai đoạn, làm phát sinh những bất cập, thiếu đồng nhất giữa các phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trong từng giai đoạn thực hiện; phát sinh thắc mắc, khiếu kiện từ phía các hộ dân bị thu hồi đất.

Tình hình kinh tế của thành phố Bắc Ninh còn gặp nhiều khó khăn, thiếu nguồn vốn đầu tư hoặc nguồn vốn còn bị động đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các chỉ tiêu QH, KHSDD đã đề ra. Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu KHSDD hàng năm nhưng chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện.

3.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện KHSDD hàng năm

Công bố, công khai kịp thời nội dung QH, KHSDD; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng pháp luật về đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về quyền và

nghĩa vụ của người SDD, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện KHSDD. Phát huy vai trò của cấp Ủy, tổ chức chính trị - xã hội và của người dân trong giám sát việc thực hiện KHSDD.

Giải pháp về nguồn lực thực hiện KHSDD: Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư thực hiện dự án, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn; thực hiện các chính sách ưu đãi để phát triển các ngành dịch vụ, du lịch; thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất; xây dựng cơ chế tạo quỹ đất sạch theo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái; xác định thứ tự ưu tiên cho các công trình, dự án trọng điểm. Khai thác và thực hiện tốt chương trình chuyển đổi số trong quản lý đất đai. Kien toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; lập dự án sử dụng hiệu quả quỹ đất công.

Nâng cao trách nhiệm khi xây dựng, thẩm định, xét duyệt QH, KHSDD. Đảm bảo phương án QH, KHSDD phải thể hiện được tính khoa học, thời sự, vai trò điều tiết vĩ mô, tầm nhìn dài hạn và lấy ý kiến rộng rãi của cộng đồng.

Đánh giá khả năng thực hiện các công trình, dự án; rà soát danh mục các công trình, dự án mang tính trọng điểm; xác định cụ thể đối tượng đầu tư nhằm chủ động trong việc huy động vốn đầu tư từ tất cả các thành phần kinh tế và giảm tình trạng kéo dài quy hoạch các công trình, dự án gây ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt của người dân.

Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện KHSDD: Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ đầu tư của các dự án được thuê đất, giao đất đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã cam kết trong dự án. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc SDD sai mục đích; cải cách hành chính, tạo điều kiện để thu hút đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ chất lượng cao. Chủ động cung cấp thông tin và cải tiến quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả cho các thủ tục: Chuyển mục đích sử dụng đất,

thuê đất, giao cấp đất, thẩm định các dự án SDD...

4. KẾT LUẬN

Kết quả thực hiện KHSDD của thành phố Bắc Ninh trong giai đoạn năm 2021 - 2023 cho thấy, hầu hết các chỉ tiêu KHSDD nông nghiệp đều thực hiện vượt so với kế hoạch được duyệt; chỉ tiêu trong nhóm đất phi nông nghiệp thực hiện hầu hết không đạt theo kế hoạch được duyệt; các năm 2021 và 2022 có mức độ thực hiện đạt thấp hơn, tỷ lệ số công trình được thực hiện ở mức rất thấp, lần lượt là 4,07% và 5,06%; năm 2023 kết quả này được cải thiện đáng kể, nâng tỷ lệ công trình được thực hiện lên 50,43%.

Có 50 chỉ tiêu (chiếm 72,46%) đạt mức thực hiện rất tốt; 4 chỉ tiêu SDD (chiếm 5,80%) thực hiện rất kém. Tỷ lệ thực hiện các công trình, dự án rất thấp (chỉ đạt 11,81%). Năm 2023, tỷ lệ thực hiện đạt cao nhất là 50,43% và thấp nhất là năm 2021 với 4,07%. Kết quả điều tra cán bộ, công chức, viên chức cho thấy, việc thực hiện QH, KHSDD ở thành phố Bắc Ninh là tốt. Có 1/6 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt (điểm trung bình > 4,20 điểm) và 5/6 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt (trung bình chung từ 3,40 điểm đến nhỏ hơn 4,20 điểm).

Để nâng cao hiệu quả thực hiện KHSDD, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khác nhau; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công bố, công khai kịp thời nội dung KHSDD; nâng cao chất lượng phương án KHSDD; tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện KHSDD; đánh giá khả năng thực hiện các công trình, dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2024). *Luật Đất đai năm 2024. Luật số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.*
2. Đỗ Thị Tắm, Trương Đỗ Thuỳ Linh, Nguyễn Thị Khuy, Tạ Tuyết Thái, Vũ Kỳ Long (2023). *Quy hoạch sử dụng đất tại Việt Nam trong thời đại 4.0: Cơ hội và thách thức.* Kỷ yếu hội thảo khoa học Quản lý đất đai toàn quốc lần thứ I: Nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội.

Nxb Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Trang 403 - 417.

3. Chu Văn Thịnh, Nguyễn Đình Bồng, Nguyễn Quang Học, Chu An Trường, Nguyễn Đức Hùng, Nguyễn Thị Thu Hồng (2020). *Quy hoạch sử dụng đất.* Nxb Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ Việt Nam.

4. Nguyễn Đình Thọ (2021). Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn mới: Bài 1: Năm giải pháp nâng cao vai trò, chất lượng quy hoạch sử dụng đất. <https://baotainguyenmoitruong.vn/quy-hoach-su-dung-dat-giai-doan-moi-bai-1-nam-giai-phap-nang-cao-vai-tro-chat-luong-quy-hoach-su-dung-dat-331278.html>. Truy cập ngày 20/12/2024.

5. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2024). *Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2023.*

6. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS.* Nxb Thống kê, Hà Nội.

7. Likert, R (1932). A technique for the measurement of attitudes. *Archives of Psychology*, 140, 5 - 55.

8. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Ninh (2024). *Báo cáo thống kê đất đai năm 2023 thành phố Bắc Ninh.*

9. UBND thành phố Bắc Ninh (2024b). *Báo cáo số 357/BC-UBND ngày 6/12/2024 về Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và điều hành của UBND thành phố năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.*

10. UBND tỉnh Bắc Ninh (2021a). *Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 về việc Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.*

11. UBND tỉnh Bắc Ninh (2021b). *Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.*

12. UBND tỉnh Bắc Ninh (2022). *Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 về việc Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện, thành phố.*

13. UBND tỉnh Bắc Ninh (2023). *Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 về việc Phê*

duyet kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

14. Đỗ Thị Tâm, Nguyễn Duy Kiên, Phạm anh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2022). Đánh

giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 8, 89 - 100.

EVALUATION OF THE RESULTS OF IMPLEMENTATION OF THE ANNUAL LAND USE PLAN OF BAC NINH CITY, BAC NINH PROVINCE

Nguyen Dinh Trung¹, Nguyen Quang Thi²

¹*Vietnam National University of Agriculture*

²*Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry*

Summary

The study aims to evaluate the results and propose solutions to improve the effectiveness of implementing the annual land use plan (LUP) in Bac Ninh city, Bac Ninh province. The study uses the following methods: survey, collection of documents, secondary and primary data, assessment according to the 5-level Likert scale and evaluation of LUP indicators according to the deviation between the plan and implementation results. The results show that 50 indicators (accounting for 72.46%) achieved a very good level of implementation; 4 LUP indicators (accounting for 5.80%) performed very poorly. The implementation rate of works and projects is very low (only 11.81%). The number of works transferred to the following year accounts for 46.25% of the number of works that have not been implemented. The survey results of civil servants and public employees show that the implementation of the LUP in Bac Ninh city is good. 1/6 criteria are rated as very good and 5/6 criteria are rated as good. To improve the effectiveness of the implementation of the land use planning and planning, it is necessary to synchronously implement the following solutions: mobilize and effectively manage of using different capital sources; improve the quality of human resources; promptly announce and publicize the content of the land use planning and planning; improve the quality of the land use planning and planning options; organize and supervise the implementation of the land use planning; evaluate the ability to implement works and projects.

Keywords: *Land management, land use planning, land use plan, Bac Ninh city.*

Ngày nhận bài: 20/12/2024

Ngày chuyển phản biện: 25/12/2024

Ngày thông qua phản biện: 10/01/2025

Ngày duyệt đăng: 24/01/2025